

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÂN HIỆU THPT LÊ THỊ HỒNG GÁM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /59/TB-LTHG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2023

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của nhà trường, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	27	1,49 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	27	1,49 m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	2	1,93 m ² /học sinh
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	26	1 lớp/1 phòng
8	Bình quân học sinh/lớp	1.159	45 hs/lớp
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	3.946,5 m ²	-
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	758 m ²	-
VI	Tổng diện tích các phòng	1.711,09 m ²	-
1	Diện tích phòng học (m ²)	66,5 m ²	1,55 m ² /học sinh
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	66,5 m ²	1,55 m ² /học sinh
3	Diện tích thư viện (m ²)	43,56 m ²	-
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	-
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	29.45 m ²	-
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 10	41	
1.2	Khối lớp 11	41	
1.3	Khối lớp 12	43	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 10		
2.2	Khối lớp 11		

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
2.3	Khối lớp 12		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	50 bộ	23,18 hs/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		
1	Ti vi	27	1 tivi/lớp
2	Cát xét	0	-
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	-
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	3	-
5	Loa phòng học	27	1 loa/lớp

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	27	1 tivi/lớp
2	Cát xét	0	-
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	-
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	3	-
5	Loa phòng học	27	1 loa/lớp

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	273,89

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	16 phòng (1.223,68 m ²)	571	2,14 m ² /chỗ
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		3/4		0,10/0,13
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

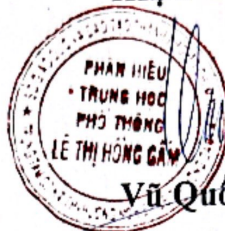
(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	

XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Quốc Phong

